TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2021/HSST
Ngày 30-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn
Bà Nguyễn Thị Lại

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 209/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

1**. Nguyễn Xuân L,** sinh năm 1997; huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Ph, xã H1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Xuân B; và bà: Phan Thị Ch; vợ, con: Chưa có; **tiền án, tiền sự:** không; **nhân thân:**

+ Bản án số 07/2021/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 34 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 172/2021/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xử phạt bị cáo 46 tháng tù, tổng hợp hình phạt 34 tháng tù của bản án số 07/2021/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo Nguyễn Xuân L phải chịu 06 năm 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Ninh trong vụ án khác (có mặt);

2. Phan Anh T, sinh năm 1997; huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn Ph, xã H1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phan Văn D; và bà: Lê Thị T; có vợ: Nguyễn Thị C; con: Chưa có; **tiền án, tiền sự:** không; **nhân thân:**

+ Bản án số 153 ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm 09 ngày tù về tội "Công nhiên chiếm đoạt tài sản", được trả tự do ngay tại phiên tòa, chấp hành xong nghĩa vụ dân sự ngày 14/02/2019.

+ Bản án số 07/2021/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 18 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

+ Bản án số 172/2021/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Yên Phong xử phạt bị cáo 48 tháng tù, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù của bản án số 07/2021/HSST ngày 17 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, buộc bị cáo Phan Anh T phải chịu 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2021.

Bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam- Công an tỉnh Bắc Ninh trong vụ án khác (có mặt).

- *Bị hại*:

1.Anh Dương Thanh T, sinh năm 2001, cư trú tại: Xóm Ch, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên (vắng mặt).

2. Anh Lương Văn Tr, sinh năm 1997; cư trú tại: Thôn R, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Chị Nông Thị Nh, sinh năm 1971; cư trú tại: Thôn R, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989 (vắng mặt);
2. Anh Nguyễn Lý N, sinh năm 1987 (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Xuân L- sinh năm 1997 và Phan Anh T- sinh năm 1997, cùng trú tại: thôn Ph, xã H1, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh là bạn bè quen biết xã hội do cùng quê, do không có tiền chi tiêu cá nhân nên L và T cùng rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô để đem bán, lấy tiền chi tiêu. Trong tháng 4 năm 2021, L và T cùng nhau thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện V, tỉnh Bắc Giang, cụ thể:

* **Vụ thứ nhất:** Khoảng 08 giờ ngày 11/4/2021, L và T gặp nhau tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh do không có tiền chi tiêu nên L rủ T "Hết tiền rồi, đi trộm cắp xe mô tô lấy tiền chi tiêu chung" và được T đồng ý. Sau đó, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, dán đề can màu đen, không có biển kiểm soát (xe mô tô do L cùng với một đối tượng L khai tên là H trộm cắp tại huyện T, tỉnh Bắc Ninh từ tháng 12/2020) chở L ngồi sau đi từ khu công nghiệp T1, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh theo đường Quốc lộ 1A đến huyện V, tỉnh Bắc Giang; khi đến khu nhà trọ của anh Nguyễn Hữu T- sinh năm 1989, trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang làm chủ; thấy tại nhà để xe tầng một có nhiều xe mô tô, quan sát thấy không có người trông coi, có một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave α, màu sơn xanh- đen-bạc, biển kiểm soát 12H1- 330.31 của anh Lương Văn Tr- sinh năm 1997, trú tại: thôn R, xã Q, huyện H, tỉnh Lạng Sơn là khách thuê trọ, xe không khóa cổ, khóa càng, đầu xe hướng vào trong tường, đuôi xe hướng ra cổng, L bảo T trộm cắp chiếc xe này và T đồng ý. T điều khiển xe mô tô đèo L vào trong tầng một của khu trọ, cách vị trí xe mô tô của anh Tr khoảng 03 mét rồi dừng lại để L xuống xe, T điều khiển xe mô tô ra ngoài cảnh giới, còn L đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô của anh Tr dùng tay trái luồn xuống yếm bên trái của xe, giật đứt dây điện của khóa điện, rồi dùng hai tay đấu hai đầu dây điện vào nhau trong khoảng 30 giây thấy màn hình điều khiển sáng đèn, L dắt xe mô tô, quay đầu xe ra ngoài, ngồi lên xe nổ máy rồi điều khiển xe mô tô ra ngoài khu trọ. T điều khiển xe Exciter, L điều khiển xe vừa trộm cắp được đi về khu công nghiệp T1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh thì đổi xe cho nhau để T mang xe đi bán. T dùng điện thoại đăng thông báo bán xe trộm cắp được lên mạng xã hội Facebook, thì có một người không rõ tên, tuổi, địa chỉ hẹn mua xe tại thành phố Hà Nội. T điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi trước, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter đi sau đến thành phố Hà Nội, dừng xe tại một quán nước (các bị cáo khai không nhớ cụ thể vị trí). L ngồi tại quán nước ven đường chờ, T một mình điều khiển xe đi bán cho một người đàn ông không quen biết (T khai không biết rõ họ tên, tuổi, địa chỉ) được 6.000.000 đồng rồi đi bộ quay lại quán nước, chia cho L 3.000.000 đồng, còn

3.000.000 đồng T giữ. L nhận tiền, điều khiển xe mô tô Exciter chở T về phòng trọ; số tiền này các bị cáo đã cùng nhau chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/7/2021, anh Lương Văn Tr có đơn trình báo Công an huyện V và tự nguyện giao nộp 01 đoạn video ghi lại hành ảnh camera diễn biến T, L trộm cắp xe mô tô của mình. Cơ quan điều tra trích sao các hình ảnh ra giấy A4 cho T, L xem. T và L đã xác định người trong hình ảnh là T, L có hành vi trộm cắp xe và ký xác nhận.

Ngày 07/9/2021, Cơ quan điều tra tiến hành xác định hiện trường, hiện trường được xác định tại khu trọ của anh Nguyễn Hữu T thuộc thôn T, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, phía Tây Nam giáp đường liên thôn, phía Tây Bắc tiếp giáp nhà hàng Đức Quân, phía Đông Nam tiếp giáp trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa Anh T, phía Đông Bắc tiếp giáp khu đất trống. Vị trí để xe mô tô trước khi bị trộm cắp là khu vực để xe tại tầng 1 khu trọ, sát tường phòng bếp.

Ngày 20/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá xác định giá trị xe mô tô anh Tr bị trộm cắp.

Tại kết luận định giá tài sản số 100/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α, màu xanh- đen- bạc, biển kiểm soát 12H1- 330.31 có giá trị 13.000.000 đồng.

* **Vụ thứ hai:** Khoảng 20 giờ ngày 23/4/2021, T và L rủ nhau đi trộm cắp xe mô tô, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter (xe mô tô dùng để trộm cắp ở vụ thứ nhất) chở L đi từ khu công nghiệp T1, tỉnh Bắc Ninh theo đường Quốc lộ 1A đến huyện V, tỉnh Bắc Giang; đến khu nhà trọ của anh Nguyễn Lý N- sinh năm 1987 ở thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang thấy cổng nhà trọ mở, dưới tầng hầm có nhiều xe mô tô không có ai trông coi, L quan sát thấy có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15, màu sơn đen, biển kiểm soát 20D1-188.82 của anh Dương Thanh T- sinh năm 2001, trú tại: xóm Ch, xã B, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là khách thuê trọ, xe không khóa cổ, khóa càng để tại dãy để xe bên phải theo hướng từ ngoài cổng nhìn vào trong, đầu xe hướng vào tường, đuôi xe hướng ra ngoài; L bàn với T trộm cắp chiếc xe mô tô này và được T đồng ý. T điều khiển xe mô tô Exciter ra ngoài cảnh giới, L đi đến chỗ dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 của anh T, dùng tay trái luồn xuống dưới yếm xe, giật đứt hai dây điện ở vị trí khóa xe, đấu hai đầu dây thấy màn hình đồng hồ của xe sáng, L dắt xe mô tô quay đầu ra cổng, ngồi lên xe nổ máy điều khiển xe mô tô ra khỏi khu trọ. T điều khiển xe mô tô Exciter đi trước, L

điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đi sau về phòng trọ của T tại thôn T1, phường T2, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh (do chị Nguyễn Thị Th- sinh năm 1972 làm chủ). Khi đến phòng trọ của T, L giao chiếc xe mô tô Yamaha R15 trộm cắp được cho T giữ còn mình thì điều khiển xe mô tô Yamaha Exciter đi về. Xe mô tô này T chưa đi tiêu thụ ở đâu, vẫn để tại phòng trọ làm phương tiện đi lại. Quá trình sử dụng, T sử dụng cờ lê có sẵn tại phòng trọ tháo biển kiểm soát xe mô tô ném đi, không nhớ cụ thể ném ở vị trí nào.

Hồi 21 giờ ngày 06/5/2021, Công an phường T2, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh kiểm tra hành chính công tác đăng ký quản lý cư trú tại khu nhà trọ của bà Nguyễn Thị Th, phát hiện tại phòng trọ của T có 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15 màu đen, không có biển kiểm soát, không rõ nguồn gốc, thấy bị kiểm tra, T bỏ trốn, để xe lại phòng trọ, bà Th tự nguyện giao nộp xe mô tô cho Công an phường T2 để xác minh, xử lý. Ngày 15/5/2021, Công an phường T2 bàn giao xe mô tô cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y, tỉnh Bắc Ninh giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y tiến hành tra cứu chủ sở hữu xe mô tô thu giữ tại phòng trọ của T, xác định là xe mô tô của anh Dương Thanh T, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y có Công văn số 732/CV-ĐCSHS ngày 06/7/2021 thông báo, bàn giao hồ sơ vụ việc cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V giải quyết theo thẩm quyền. Ngày 28/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y bàn giao vật chứng là chiếc xe mô tô nhãn hiệu R15, màu sơn đen, không biển kiểm soát, số khung MH3RG4740K004922; số máy: G3J63-0279033 cho Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V, tỉnh Bắc Giang để điều tra theo thẩm quyền.

Ngày 28/7/2021, anh Dương Thanh T có đơn trình báo Công an huyện V. Ngày 20/8/2021, anh Dương Thanh T tự nguyện giao nộp 01 đĩa DVD chứa dữ liệu video thể hiện hình ảnh camera quá trình T, L trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra sao in các hình ảnh ra giấy A4, cho các bị cáo xem, xác nhận người trong hình ảnh là mình. Ngày 22/11/2021, Cơ quan điều tra cho anh T kiểm tra chiếc xe mô tô do Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Y bàn giao, anh T xác nhận xe có số khung, số máy nguyên vẹn, không bị mài, đục.

Ngày 07/9/2021, Cơ quan điều tra tiến hành xác định hiện trường, hiện trường được xác định tại nhà trọ của anh Nguyễn Lý N thuộc thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang, phía Bắc giáp đường trong khu dân cư, phía Đông, Nam, Tây tiếp giáp bãi đất trống. Vị trí để xe mô tô bị trộm cắp là trong hầm để xe của khu trọ, giáp tường

phía Tây. Tiến hành kiểm tra dữ liệu đầu thu camera không còn dữ liệu ngày 23/4/2021.

Ngày 20/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện V yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V định giá, xác định giá trị xe mô tô của anh T.

Tại kết luận định giá tài sản số 101/ KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15, sơn màu đen, biển kiểm soát 20D1- 188.82 có giá trị 45.000.000 đồng.

Cáo trạng số 206/CT- VKSYD ngày 26 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân L và Phan Anh T về tội " *Trộm cắp tài sản* " theo điểm c Khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên, các bị cáo trình bày thêm: Các bị cáo làm công nhân việc trộm cắp tài sản không là nguồn sống chính.

Kết thúc thẩm vấn, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V giữ quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa luận tội đối với các bị cáo và giữ nguyên quan điểm truy tố, sau khi đánh giá chứng cứ, đề nghị:

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Xuân L từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày Tòa án nhân dân huyện Y tạm giam 13/5/2021.

2. Bị cáo Phan Anh T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày Tòa án nhân dân huyện Y tạm giam 13/5/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 của Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo liên đới bồi thường thiệt hại cho anh T số tiền 13.000.000 đồng, cụ thể bị cáo L bồi thường 6.500.000 đồng, bị cáo T bồi thường 6.500.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS, Nghị quyết 326/2016 Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định hiện trường, bản ảnh trích xuất từ camera ghi lại vụ trộm cắp ngày 11/4/2021, phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra tội phạm và các chứng cứ khác, có đủ cơ sở kết luận: Trong các ngày 11/4/2021 và ngày 23/4/2021, do không có tiền chi tiêu cá nhân Phan Anh T và Nguyễn Xuân L rủ nhau thực hiện hành vi như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ ngày 11/4/2021, tại khu nhà trọ của anh Nguyễn Hữu T, sinh năm 1989 ở thôn Đ, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Thấy không có người trông coi, chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu sơn xanh- đen- bạc biển kiểm soát 12H1- 330.31 của anh Lương Văn Tr không khóa cổ, khóa càng. L bảo T trộm cắp chiếc xe này, T đồng ý. T ở ngoài cảnh giới, L dùng tay trái luồn xuống yếm bên trái của xe, giật đứt dây điện của khóa điện, dùng hai tay đấu hai đầu dây dây điện vào nhau khoảng 30 giây thấy màn hình điều khiển sáng đèn. L dắt xe ra ngoài, nổ máy và điều khiển xe mô tô đến khu công nghiệp huyện T1, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. L ngồi ở quán nước, T điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp đi bán cho người đàn ông không quen biết được 6.000.000 đồng, rồi quay lại quán nước chia cho L 3.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng T giữ lại chi tiêu cá nhân hết. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12H1-330.31 trị giá 13.000.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 20 giờ ngày 23/4/2021, tại khu nhà trọ của anh Nguyễn Lý N, sinh năm 1987 ở thôn N, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Thấy cổng nhà trọ mở, dưới tầng hầm có nhiều xe mô tô không có ai trông coi, L quan sát thấy có 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha R15, màu sơn đen, biển kiểm soát 20D1- 188.82 của anh Dương Thanh T không khóa cổ, khóa càng. L bàn với T trộm cắp, T đồng ý. T ra ngoài cảnh giới, L dùng tay trái luồn xuống dưới yếm xe, giật đứt 02 dây điện ở vị trí khóa xe, đấu hai đầu dây thấy màn hình đồng hồ của xe sáng. L dắt xe ra ngoài, điều khiển xe mô tô về phòng trọ của T tại thôn T1, phường T2, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh để

xe ở đó, T dùng phương tiện đi lại, thì bị phát hiện. Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 20D1- 188.82 trị giá 45.000.000 đồng.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố các bị cáo Nguyễn Xuân L, Phan Anh T về tội "*Trộm cắp tài sản"* theo điểm c Khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản của anh Lương Văn Tr và anh Dương Thanh T được pháp luật bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây hoang mang đối với các công nhân khu nhà trọ trong việc bảo quản tài sản. Cần xử lý các bị cáo bằng pháp luật hình sự, xử phạt các bị cáo một hình phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Xét thấy, các bị cáo thực hiện hành vi không có sự bàn bạc, không liên kết chặt chẽ, không có sự phân công nhiệm vụ. Các bị cáo thực hiện hành vi mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có căn cứ xác định các bị cáo phạm tội có tổ chức.

[3] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo thu nhập không ổn định, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[4] *Xét vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy*: Các lần trộm cắp, bị cáo L là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo T cảnh giới và mang đi tiêu thụ chiếc xe mô tô BKS 12H1- 330.31. Do đó bị cáo L có vai trò chính trong vụ án, sau đó bị cáo T.

[5] *Tình tiết giảm nhẹ*: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Áp dụng điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[6] *Tình tiết tăng nặng*: Các bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự khi cân nhắc hình phạt.

[7] Các bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội nhiều lần vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[8] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân L từ 03 năm 03 tháng đến 03 năm 06 tháng tù; bị cáo Phan Anh T từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù. Xét thấy các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tổng số tài sản trị giá 58.000.000 đồng, các bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết tăng nặng được quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đại diện Việt kiểm sát đề nghị xử phạt các bị

cáo hình phạt như trên là không phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo.

[9] Xét thấy bản án số 07/2021/HSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân L và Phan Anh T; bản án số 172/2021/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã tổng hợp hình phạt của bản án số 07/2021/HSST ngày 17/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh, hiện bản án số 172/2021/HSST ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Y chưa có hiệu lực pháp luật, do đó Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt của bản án do Tòa án nhân dân huyện Y xét xử.

[10] *Về trách nhiệm dân sự:*

[10.1] Ngày 24/11/2021. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V trả lại anh T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA R15, màu sơn đen. Anh T không yêu cầu bồi thường thiệt hại, Hội đồng xét xử không xem xét.

[10.2] Xét yêu cầu bồi thường của anh Lương Văn Tr, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo gây thiệt hại cho anh Tr, nay anh Tr yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại trị giá chiếc xe mô tô là 13.000.000 đồng, áp dụng Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của anh Tr.

[11] *Về vật chứng*:

[11.1] Chiếc biển kiểm soát của xe mô tô YAMAHA R15, bị cáo T khai đã tháo ra ném đi, không nhớ cụ thể vị trí ném, nên không thu hồi được, nay anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.2]. Chiếc cờ lê dùng để tháo biển kiểm soát, bị cáo T khai ném đi, không nhớ thời điểm, vị trí ném, Cơ quan điều tra không thu hồi được, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11.3] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter, dán đề can màu đen, không có biển kiểm soát các bị cáo khai sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp, hiện đang là vật chứng trong vụ án khác do Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện T, tỉnh Bắc Ninh điều tra, xử lý, Hội đồng xét xử không xem xét. .

[12] *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt:

1.1. Bị cáo Nguyễn Xuân L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

1.2. Bị cáo Phan Anh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

2. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc bị cáo Nguyễn Xuân L và bị cáo Phan Anh T liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Tr 13.000.000 đồng, cụ thể bị cáo Nguyễn Xuân L bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Tr 6.500.000 đồng. bị cáo Phan Anh T bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Tr 6.500.000 đồng

3. *Về vật chứng*: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án:* Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Y;
- CCTHADS huyện Y;
- Lưu HS.VP;
-Công an Y;
- Bị cáo;
- UBND xã X.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hương

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Việt Yên, ngày 30 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi……. giờ …….. phút ngày 30 tháng 12 năm 2021
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Tấn

Bà Nguyễn Thị Lại

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 199/2021/TLST- HS ngày 29 tháng 11 năm 2021, đối với:

Bị cáo Nguyễn Xuân Lương, sinh năm 1997, tại Thôn Phú Yên, xã Hương Xuân, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, cùng đồng phạm phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Vụ án không thuộc trường hợp phải tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên và Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên thu thập đều đúng trình tự thủ tục quy định.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về tội danh:

Đủ căn cứ kết tội các bị cáo Nguyễn Xuân Lương và Phan Anh Tuấn phạm tội "*Trộm cắp tài sản* ".

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về điều luật áp dụng

Căn cứ điểm c Khoản 2 Điều 173, Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự

Căn cứ Khoản 2 Điều 136, các Điều 331; 332, 333; 336, 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về mức hình phạt, xử phạt:

5.1**.** Bị cáo Nguyễn Xuân Lương 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

5.2. Bị cáo Phan Anh Tuấn 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

6. Các vấn đề khác:

6.1. *Về trách nhiệm dân sự:* Buộc bị cáo Nguyễn Xuân Lương và bị cáo Phan Anh Tuấn liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Triều 13.000.000 đồng, cụ thể bị cáo Nguyễn Xuân Lương bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Triều 6.500.000 đồng. bị cáo Phan Anh Tuấn bồi thường thiệt hại cho anh Lương Văn Triều 6.500.000 đồng

6.2. *Về vật chứng*: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét.

6.3**.** *Về án phí:* Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6.4. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6.5. *Về nghĩa vụ chậm thi hành án*: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế theo quy định tại điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ ..... phút ngày 30 tháng 12 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên./

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Tấn – Nguyễn Thị Lại **Bùi Thị Hương**